

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC - HỌC PHẦN
Học Kỳ 1 - Năm Học 2023-2024

Môn học/Nhóm **GD quốc phòng và AN – Lớp CCQ2317Q** Số tín chỉ: 5
CBGD **Nguyễn Trung Lục**

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
1	2123170588	Hoàng Kỳ	Anh	24/04/2005		7.9	5.4	6.4
2	2123170580	Kiều Quốc	Anh	27/08/2005		7.6	5.4	6.3
3	2123170639	Văn Chí	Bảo	29/11/2005		8.1	6.8	7.3
4	2123170589	Trần Phương	Bình	10/10/2005		7.6	5.2	6.2
5	2123170585	Thẩm Đức	Cường	04/10/2005		7.9	6.0	6.8
6	2123170597	Trần Lê Thái	Dân	16/01/2005		7.8	7.6	7.7
7	2123170632	Bùi Ngọc	Danh	08/07/2005		7.8	5.6	6.5
8	2123170599	Nguyễn Đức	Đạt	05/10/2004		5.1	5.0	5.0
9	2123170603	Phan Thành	Đạt	26/09/2005		7.3	7.2	7.2
10	2123170584	Nguyễn Đức	Đồng	06/06/2005		8.3	6.6	7.3
11	2123170635	Trương Hoàng	Đức	22/06/2005		8.2	7.6	7.8
12	2123170598	Trần Văn	Dũng	15/05/2005		7.6	7.6	7.6
13	2123170633	Bùi Trần Trung	Dương	10/09/2005		7.4	5.2	6.1
14	2123170618	Đàng Năng	Dương	28/01/2005		7.9	5.8	6.6
15	2123170621	Ngư Trùng	Dương	14/10/2005		7.7	6.0	6.7
16	2123170638	Lê Tư	Duy	10/08/2005		6.6	6.8	6.7
17	2123170574	Mai Quốc	Duy	14/07/2005		0		0.0
18	2123170573	Nguyễn Văn	Hải	17/08/2004		7.6	3.8	5.3
19	2123170604	Phan Quý	Hải	20/11/2005		6.8	4.4	5.4
20	2123170634	Cao Ngọc	Hân	22/01/2005		8	6.0	6.8
21	2123170624	Hoàng Văn	Hiếu	07/04/1997		0		0.0
22	2123170627	Nguyễn Duy	Hoàn	10/12/2005		8.7	6.4	7.3
23	2123170619	Vương Xuân	Hoàng	02/11/2005		0		0.0
24	2123170612	Nguyễn Đức	Hùng	27/11/2005		8.2	6.6	7.2
25	2123170582	Lê Văn	Huy	19/12/2004		7.9	6.0	6.8

26	2123170608	Thập Quang	Huy	06/01/2005		8.3	5.2	6.4
27	2123170641	Trần Xuân Gia	Khang	19/11/2005		7.7	5.2	6.2
28	2123170601	Võ Ngọc	Khanh	30/07/2005		5.1	5.0	5.0
29	2123170586	Nguyễn Minh	Khánh	19/01/2005		7.3	6.0	6.5
30	2123170595	Nguyễn Quốc	Khánh	03/05/2005		7.8	5.4	6.4
31	2123170620	Đặng Duy	Khiêm	03/05/2005		8.1	5.6	6.6
32	2123170616	Thiên Vĩnh	Khiêm	05/10/2004		7.3	5.8	6.4
33	2123170575	Huỳnh Văn	Kiệt	06/10/2005		5.1	5.6	5.4
34	2123170583	Trần Văn	Kiệt	20/04/2005		8.3	4.2	5.8
35	2123170617	Nguyễn Trường	Lộc	20/06/2005		7.6	6.2	6.8
36	2123170609	Lê Văn	Long	26/05/2005		7.9	5.4	6.4
37	2123170642	Nguyễn Ngọc Hào	Nam	28/08/2005		8.2	6.0	6.9
38	2123170590	Trần Khánh	Nam	12/11/2005		7.9	6.2	6.9
39	2123170579	Tăng Đào Anh	Nguyên	21/06/2005		4.8	7.2	6.2
40	2123170578	Trần Nhất	Nguyên	11/04/2005		8.1	5.0	6.2
41	2123170607	Đình	Nhân	10/04/2005		8.1	5.8	6.7
42	2123170640	Trần Cảnh	Nhật	20/02/2005		0		0.0
43	2123170610	Nguyễn Hữu	Nhựt	02/07/2005		8.7	6.8	7.6
44	2123170581	Trịnh Thế	Phong	05/08/2005		6.8	3.8	5.0
45	2123170622	Chu Văn	Phúc	20/03/2005		8	6.0	6.8
46	2123170625	Huỳnh Ngọc	Phúc	18/01/2005		7.5	6.0	6.6
47	2123170593	Lê Tài	Phúc	08/09/2004		0		0.0
48	2123170631	Phan Trần	Sang	24/01/2005		7.8	6.2	6.8
49	2123170602	Trương Quang	Sang	02/11/2002		0		0.0
50	2123170571	Nguyễn Đức	Tài	11/04/2005		7.7	7.8	7.8
51	2123170623	Nguyễn Công	Tân	11/09/2005		8.2	6.2	7.0
52	2123170636	Đỗ Đình	Tấn	28/01/2004		6.4	6.4	6.4
53	2123170614	Nguyễn Trường	Tạo	10/02/2005		7.3	6.2	6.6
54	2118240407	Võ Nguyễn Thị Hồng	Thắm	28/11/2000		0		0.0
55	2123170605	Đỗ Huỳnh Quốc	Thắng	02/08/2005		8.4	7.0	7.6
56	2120170752	Trần	Thanh	22/11/2002		3.9		1.6
57	2123170587	Võ Tiến	Thanh	06/08/2005		0		0.0
58	2123170626	Nguyễn Văn	Thành	27/01/2005		7.9	5.4	6.4
59	2123170594	Phạm Vũ	Thích	03/10/2005		7.6	5.0	6.0
60	2123170615	Quảng Đại	Thiện	12/06/2004		6.7	6.6	6.6

61	2123170596	Nguyễn Duy	Thức	15/04/2005		7.5	6.4	6.8
62	2123170630	Nguyễn Đăng	Tiến	30/09/2005		7.3	6.2	6.6
63	2123170658	Nguyễn	Toàn	15/03/2005		0		0.0
64	2123170613	Nguyễn Hữu	Trình	05/11/2005		8.4	6.0	7.0
65	2123170637	Lê Thanh	Trọng	31/10/2005		8.1	6.4	7.1
66	2123170591	Quang Văn	Trường	10/12/2005		8	7.6	7.8
67	2123170577	Nguyễn Hoàng	Tuấn	08/11/2005		8.1	6.4	7.1
68	2123170629	Trần Minh	Tuấn	11/01/2005		4.9	6.4	5.8
69	2123170572	Trịnh Ngọc	Vinh	13/05/2005		7.4	6.2	6.7
70	2123170592	Phan Chí	Vỹ	15/08/2005		6.6	7.4	7.1
71								
72								
73								
74								
75								
76								
77								
78								
79								
80								

Tp. Thủ Đức, ngày 10 tháng 10 năm 2023

GIẢNG VIÊN

Nguyễn Trung Lục

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH
Học Kỳ 1- Năm Học 2023-2024

Môn học/Nhóm
CBGD

GD quốc phòng và AN-Lớp CCQ231Q
Nguyễn Trung Lục

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
1	2123170588	Hoàng Kỳ	Anh	24/04/2005		6.5	6.0	5.5	9.0	9.7		
2	2123170580	Kiều Quốc	Anh	27/08/2005		6.5	7.0	5.5	8.0	9.0		
3	2123170639	Văn Chí	Bảo	29/11/2005		6.5	6.5	6.5	9.0	9.7		
4	2123170589	Trần Phương	Bình	10/10/2005		7.0	7.0	6.5	8.0	8.3		
5	2123170585	Thẩm Đức	Cường	04/10/2005		6.5	7	7.5	8	9		
6	2123170597	Trần Lê Thái	Dân	16/01/2005		6.0	6.0	6.5	9.0	9.0		
7	2123170632	Bùi Ngọc	Danh	08/07/2005		6.5	5.0	6.5	9.0	9.3		
8	2123170599	Nguyễn Đức	Đạt	05/10/2004		6.0	6.5	5.5	2.0	6.7		
9	2123170603	Phan Thành	Đạt	26/09/2005		7.0	6.0	7.5	9.0	6.3		
10	2123170584	Nguyễn Đức	Đồng	06/06/2005		7.0	6.0	7.5	9.0	9.7		
11	2123170635	Trương Hoàng	Đức	22/06/2005		6.0	6.5	6.5	10.0	9.3		
12	2123170598	Trần Văn	Dũng	15/05/2005		4.0	6.0	6.5	9.0	9.3		
13	2123170633	Bùi Trần Trung	Dương	10/09/2005		6.5	8.0	6.5	9.0	6.3		
14	2123170618	Đàng Năng	Dương	28/01/2005		6.5	7.0	6.5	9.0	8.7		
15	2123170621	Ngư Trùng	Dương	14/10/2005		6.5	6.0	6.5	9.0	8.3		
16	2123170638	Lê Tư	Duy	10/08/2005		7.5		6.5	8.0	8.0		
17	2123170574	Mai Quốc	Duy	14/07/2005								
18	2123170573	Nguyễn Văn	Hải	17/08/2004		7.5	7.0	5.5	8.0	8.7		
19	2123170604	Phan Quý	Hải	20/11/2005		7.5	7.0	5.5	4.0	9.7		
20	2123170634	Cao Ngọc	Hân	22/01/2005		7.0	7.0	6.5	10.0	7.7		
21	2123170624	Hoàng Văn	Hiếu	07/04/1997								
22	2123170627	Nguyễn Duy	Hoàn	10/12/2005		7.5	9.0	6.5	9.0	10.0		
23	2123170619	Vương Xuân	Hoàng	02/11/2005								
24	2123170612	Nguyễn Đức	Hùng	27/11/2005		7.5	7.5	6.5	9.0	9.0		
25	2123170582	Lê Văn	Huy	19/12/2004		6.5	7.5	5.5	9.0	9.0		
26	2123170608	Thập Quang	Huy	06/01/2005		7.0	7.0	7.5	9.0	9.3		

27	2123170641	Trần Xuân Gia	Khang	19/11/2005		5.5	5.5	6.5	9.0	9.3		
28	2123170601	Võ Ngọc	Khanh	30/07/2005		5.0	5.0	7.5	9.0	0.0		
29	2123170586	Nguyễn Minh	Khánh	19/01/2005		5.5	5.0	7.5	9.0	7.7		
30	2123170595	Nguyễn Quốc	Khánh	03/05/2005		6.5	5.0	5.5	9.0	9.7		
31	2123170620	Đặng Duy	Khiêm	03/05/2005		6.5	6.0	6.5	9.0	9.7		
32	2123170616	Thiên Vinh	Khiêm	05/10/2004		6.5	7	6.5	7	8.7		
33	2123170575	Huỳnh Văn	Kiệt	06/10/2005		7.0	7.5	5.5	8.0	0.0		
34	2123170583	Trần Văn	Kiệt	20/04/2005		7.0	6.0	7.5	9.0	9.7		
35	2123170617	Nguyễn Trường	Lộc	20/06/2005		6.0	6.0	6.5	8.0	9.3		
36	2123170609	Lê Văn	Long	26/05/2005		7.0	6.5	7.5	8.0	9.3		
37	2123170642	Nguyễn Ngọc Hào	Nam	28/08/2005		6.5	7.0	6.5	9.0	9.7		
38	2123170590	Trần Khánh	Nam	12/11/2005		7.5	6.5	7.5	8.0	9.0		
39	2123170579	Tăng Đào Anh	Nguyên	21/06/2005		7.0	7.0	5.5	7.0	0.0		
40	2123170578	Trần Nhất	Nguyên	11/04/2005		7.0	6.5	7.5	9.0	9.0		
41	2123170607	Đinh	Nhân	10/04/2005		7.0	6.5	7.5	8.0	9.7		
42	2123170640	Trần Cảnh	Nhật	20/02/2005								
43	2123170610	Nguyễn Hữu	Nhựt	02/07/2005		7.0	7.5	6.5	10.0	10.0		
44	2123170581	Trịnh Thế	Phong	05/08/2005		7.0	6.5	7.5	4.0	9.3		
45	2123170622	Chu Văn	Phúc	20/03/2005		7.0	8.0	6.5	8.0	9.3		
46	2123170625	Huỳnh Ngọc	Phúc	18/01/2005		6.5	7.5	6.5	8.0	8.0		
47	2123170593	Lê Tài	Phúc	08/09/2004								
48	2123170631	Phan Trần	Sang	24/01/2005		7.0	8.5	6.5	9.0	7.3		
49	2123170602	Trương Quang	Sang	02/11/2002								
50	2123170571	Nguyễn Đức	Tài	11/04/2005		6.0	6.5	6.5	9.0	8.3		
51	2123170623	Nguyễn Công	Tân	11/09/2005		7.5	9.0	6.5	8.0	9.3		
52	2123170636	Đỗ Đình	Tấn	28/01/2004		5.0	7.0	6.5	8.0	5.3		
53	2123170614	Nguyễn Trường	Tạo	10/02/2005		7.0	7.0	6.5	6.0	9.3		
54	2118240407	Võ Nguyễn Thị Hồng	Thắm	28/11/2000								
55	2123170605	Đỗ Huỳnh Quốc	Thắng	02/08/2005		7.0	7.5	6.5	9.0	10.0		
56	2120170752	Trần	Thanh	22/11/2002		7.0	7.5	5.0	4.0			
57	2123170587	Võ Tiến	Thanh	06/08/2005								
58	2123170626	Nguyễn Văn	Thành	27/01/2005		7.0	6.5	6.5	8.0	9.7		
59	2123170594	Phạm Vũ	Thích	03/10/2005		7.0	6.0	6.5	7.0	9.7		
60	2123170615	Quảng Đại	Thiện	12/06/2004		5.0	7.5	6.5	9.0	5.0		
61	2123170596	Nguyễn Duy	Thức	15/04/2005		6.5	7.0	6.5	9.0	7.3		
62	2123170630	Nguyễn Đăng	Tiến	30/09/2005		6.0	6.5	6.5	9.0	7.0		
63	2123170658	Nguyễn	Toàn	15/03/2005								
64	2123170613	Nguyễn Hữu	Trình	05/11/2005		7.0	9.0	6.5	9.0	9.0		

65	2123170637	Lê Thanh	Trọng	31/10/2005		6.0	8.0	6.5	9.0	9.0		
66	2123170591	Quang Văn	Trường	10/12/2005		8.0	8.0	6.5	9.0	7.7		
67	2123170577	Nguyễn Hoàng	Tuấn	08/11/2005		6.5	6.5	6.5	9.0	9.7		
68	2123170629	Trần Minh	Tuấn	11/01/2005		5.0	4.0	6.5	0.0	9.3		
69	2123170572	Trịnh Ngọc	Vinh	13/05/2005		7.5	5.5	6.5	9.0	7.0		
70	2123170592	Phan Chí	Vỹ	15/08/2005		6.5	7.0	5.5	8.0	5.7		
71												
72												
73												
74												
75												
76												
77												
78												
79												
80												

*Tp. Thủ Đức, ngày 10 tháng 10 năm
2023*

GIẢNG VIÊN

Nguyễn Trung Lục